**BÀI 3 CẤU TRÚC CỦA VĂN BẢN NGHỊ LUẬN**

Thời gian thực hiện: 10 tiết

(Đọc: 06 tiết, Thực hành tiếng Việt:01 tiết, Viết: 02 tiết, Nói và nghe: 01 tiết)

**A. MỤC TIÊU CHUNG**

**1. Về kiến thức:**

- Phân tích được nội dung và ý nghĩa của văn bản, mối quan hệ giữa các luận điểm, lí lẽ và bằng chứng, quan hệ giữa chúng với luận đề; nhận biết và giải thích được sự phù hợp giữa nội dung nghị luận với nhan đề văn bản.

- Nhận biết và phân tích được mục đích, thái độ và tình cảm của người viết; vai trò của các yếu tố thuyết minh, miêu tả, tự sự, biểu cảm trong văn bản nghị luận.

- Liên hệ được nội dung văn bản với một tư tưởng, quan niệm, xu thế (kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội, khoa học) của giai đoạn mà văn bản ra đời để hiểu sâu hơn.

- Nhận biết được các đặc điểm cơ bản của ngôn ngữ viết và ngôn ngữ nói để có hướng vận dụng phù hợp, hiệu quả.

- Viết được văn bản nghị luận về một vấn đề xã hội (Con người với cuộc sống xung quanh).

- Biết trình bày ý kiến đánh giá, bình luận về một vấn đề xã hội.

**2. Về năng lực:** Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**3. Về phẩm chất:** Có thái độ trung thực, có ý thức trách nhiệm với cộng đồng, đất nước.

**B. TIẾN TRÌNH BÀI DẠY**

**Tiết 25,26 PHẦN 1: ĐỌC**

**VĂN BẢN 1 CẦU HIỀN CHIẾU**

**(*Chiếu cầu hiền* -** Ngô Thì Nhậm**)**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về kiến thức:**

- Biết được đặc điểm của chiếu như một thể loại văn học nghị luận đặc thù của thời trung đại. Cũng như hịch và cáo, chiếu thuộc thể loại văn bản chức năng, được viết và ban bố bởi những người đứng đầu nhà nước, nhằm mục đích điều hành xã hội.

- Hiểu, chiếu cũng được tạo nên bởi các thành tố như bất kì văn bản nghị luận nào khác. Qua việc đọc, HS nhận ra được vị thế của người viết, mục đích viết, đối tượng tác động; luận đề của văn bản; các luận điểm được triển khai từ luận đề, lí lẽ và các bằng chứng để làm sáng tỏ luận điểm, các thành tố bổ trợ làm tăng sức thuyết phục cho văn bản.

- Hiểu được tài năng xuất sắc trong việc viết văn nghị luận của Ngô Thì Nhậm thể hiện qua *Chiếu cầu hiền*- văn bản được vua Quang Trung ủy nhiệm cho ông viết.

**2. Về năng lực:** Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**3. Về phẩm chất:** Có thái độ, trách nhiệm với đất nước.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị dạy học:** Ti vi (hoặcmáy chiếu), máy tính, Giấy A0, giấy A2 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.

**2. Học liệu:** SGK, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, video liên quan, phiếu học tập.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Tổ chức**

**2. Bài mới:**

**HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

**a**. **Mục tiêu**:

- HS hứng thú với bài học.

- Huy động những trải nghiệm và kiến thức liên quan nội dung chủ đề bài học.

**b. Nội dung:** HS huy động hiểu biết để trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** Câu chuyện về chiêu mộ hiền tài có trong lịch sử.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ:**  GV đặt câu hỏi:  1. Có không ít câu chuyện thú vị về việc vua chúa hay lãnh đạo đất nước muốn chiêu mộ hiền tài ra gánh vác trọng trách quốc gia. Hãy chia sẽ một câu chuyện mà bạn biết?  2. Trong công cuộc xây dựng đất nước, việc trọng dụng người tài có ý nghĩa như thế nào?  **B2. Thực hiện nhiệm vụ:**  Hs suy nghĩ và thảo luận.  **B3. Báo cáo thảo luận:**  HS lần lượt kể các câu chuyện.  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:**  GV nhận xét các câu chuyện HS kể, ghi nhận sự đóng góp tích cực của HS, dẫn dắt vào bài học: *Ở bất kì thời đại nào, việc trọng dụng người tài có ý nghĩa vô cùng quan trọng trong việc xây dựng quốc gia. Bởi vì, có những việc hết sức khó khăn, trọng đại, chỉ những người tài năng, có tri thức, tầm suy nghĩ sâu rộng mới gánh vác được.* | - Lưu Bị, Quan Vân Trường, Trương Phi ba lần đến lều cỏ của Gia Cát Lượng để mời ông làm quân sư ( *Tam quốc diễn nghĩa)*  - Nguyễn Trãi được vua Lê Thái Tông mời ra giúp nước dù ông đã về quê ở ẩn.  - Chính phủ Việt Nam dân chủ cộng hòa được thành lập sau Cách mạng tháng Tám năm 1945 do chủ tích Hồ Chí Minh đứng đầu đã trọng dụng các nhân sĩ trí thức từng làm việc cho chế độ cũ. |

**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Nội dung 1. TÌM HIỂU TRI THỨC NGỮ VĂN**

1. **Mục tiêu:** Tìm hiểu chung về cấu trúc của văn bản nghị luận và các yếu tố bổ trợ trong văn bản nghị luận.
2. **Nội dung:** Vận dụng kĩ năng đọc thu thập thông tin.
3. **Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.
4. **Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  1. Hs vẽ cấu trúc VBNL và trình bày nhanh tại lớp làm thế nào để nhận ra từng thành tố trong một VBNL?  2. Những yếu tố bổ trợ nào có thể sử dụng trong VBNL? Việc sử dụng các yếu tố bổ trợ đó có tác dụng gì? Phân tích 1 ví dụ để thấy được sự cần thiết của các yếu tố bổ trợ trong VBNL?  **B2. Thực hiện nhiệm vụ**  **HS** dự vào phần tri thức Ngữ văn ở SGK/75 để thực hiện yêu cầu.  LÍ LẼ +  BẰNG CHỨNG  HS báo cáo kết quả theo hướng dẫn của GV.  **B3. Báo cáo thảo luận**  HS lên trình bày kết quả làm việc cá nhân.  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:**  GV tổ chức cho HS đánh giá, nhẫn xét kết quả làm việc của bạn. GV bổ sung và chốt kiến thức. | **1. Cấu trúc VBNL**  LUẬN ĐỀ  LUẬN ĐIỂM  LUẬN ĐIỂM  LUẬN ĐIỂM  LÍ LẼ +  BẰNG CHỨNG  LÍ LẼ +  BẰNG CHỨNG  **-** Luận đề có chức năng định hướng triển khai luận điểm.  - Luận điểm với sự thống nhất của lí lẽ và dẫn chứng làm rõ từng khía cạnh và thể hiện tính nhất quán của luận đề.  →Các thành tố có mối quan hệ chặt chẽ với nhau.  **2. Yếu tố bổ trợ trong VBNL**  - Các yếu tố bổ trợ: Thuyết minh, tự sự, miêu tả, biểu cảm…  - Tác dụng của các yếu tố bổ trợ:  + Thuyết minh: Giải thích, cung cấp thông tin.  + Miêu tả: Tái hiện rõ nét, sinh động đối tượng.  + Tự sự: kể chuyện để làm bằng chứng.  + Biếu cảm: Bộc lộ cảm xúc, tình cảm.  → Tăng sức thuyết phục cho VBNL. |

**Nội dung 2: ĐỌC VĂN BẢN 1: CẦU HIỀN CHIẾU (Ngô Thì Nhậm)**

**2.1. Tìm hiểu khái quát**

**a. Mục tiêu:** HS biết cách khai thác thông tin trong SGK làm tiền đề khám phá văn bản.

**b. Nội dung:** Đọc thông tin về tác giả và văn bản trong SGK.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS về tác giả và hoàn cảnh ra đời tác phẩm.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  **1. Đọc:** Yêu cầu HS đọc nhanh thông tin tác giả tác phẩm SGK/78.  **2. Tác giả:** Họ tên, năm sinh năm mất. quê quán, dấu mốc cuộc đời, công lao.  **3. Tác phẩm:**  + Thể loại  **+** Hoàn cảnh ra đời.  + Bố cục và mối quan hệ giữa các phần.  **B2. Thực hiện nhiệm vụ**  HS đọc SGK, gạch chân ở những nội dung cần nhớ.  **B3. Báo cáo thảo luận**  Hs trình bày sản phẩm. Gv tổ chức HS đánh giá nhận xét, góp ý, bổ sung hoàn thiện sản phẩm.  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:**  Gv đánh giá nhận xét kết quả làm việc của HS. Chốt kiến thức như mục ***Dự kiến sản phẩm.*** | **I. Tìm hiểu chung**  **1. Tác giả**  - Ngô Thì Nhậm (1764-1803), hiệu Hi Doãn.  - Người làng Tả Thanh Oai, trấn Sơn Nam (nay thuộc Thanh Trì- Hà Nội)  - Là người học giỏi, đỗ đạt, từng làm quan cho chúa Trịnh.  - Khi Lê- Trịnh sụp đổ, ông theo phong trào Tây Sơn , được vua Quang Trung tín nhiệm nhiều trọng trách và là người có công lớn đối với triều đại Tây Sơn.  **2. Văn bản**  **- Thể loại: Chiếu.**  + là một thể văn nghi luận chính trị xã hội thời trung đại thường do nhà vua ban hành.  + Xuống chiếu cầu hiền tài là một truyền thống văn hóa chính trị của triều đại phong kiến phương đông.  Văn thể chiếu trang trọng, lời lẽ rõ ràng, tao nhã.  - **Hoàn cảnh ra đời**:  Khoảng năm 1788-1789, vua Quang Trung mới lên ngôi, giao cho Ngô Thì Nhậm viết bài chiếu cầu hiền thay mình  **- Bố cục**: 4 phần.  + Phần 1: Theo lẽ xưa nay, người hiền phải phát huy tài năng, thẻ hiện vai trò của mình trong cuộc sống.  + Phần 2: Nhiều kẻ sĩ đang lánh đời, trong khi nhà vua mong gặp được người hiền tài.  + Phần 3: Những khó khăn của buổi đầu xây dựng triều đại mới và sự cần thiết phải có người hiền tài giúp nước.  + Phần 4: Nêu cách thức chiêu mộ, sử dụng người hiền tài. |

**2.2. Khám phá văn bản**

**a. Mục tiêu:**

- HS nắm được nội dung, ý nghĩa văn bản, mối quan hệ giữa các luận điểm, lí lẽ, bằng chứng, quan hệ giữa chúng với luận đề.

- Sự phù hợp giữa đối tượng, mục đích hướng tới với sự lựa chọn cách viết.

**b. Nội dung:**

HS thực hiện nhiệm vụ theo yêu cầu của GV.

- HS hoạt động cá nhân kết hợp hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- GV hướng dẫn HS thực hiện nhiệm vụ và trình bày.

**c. Sản phẩm:**

- Kết quả làm việc của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Nhiệm vụ 1:**  **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  1. GV: Gọi 1-2 HS đọc văn bản.  GV nhắc HS trước khi đọc:  - Nắm được bố cục văn bản qua đánh số trong văn bản.  - Giọng đọc phù hợp với từng đoạn: Giọng tha thiết tình cảm ở đoạn 2,3; giọng hùng hồn mạnh mẽ ở phần 4  - Chú ý các thẻ hướng dẫn đọc bên phải văn bản để nắm được những thao tác nghị luận mà người viết sử dụng.  - Xem chú thích cuối mỗi chân trang để hiểu nghĩa từ ngữ đầy đủ.  2. GV yêu cầu HS trả lời các câu hỏi:  - Xác định mục đích viết *Cầu hiền chiếu*?  - Đối tượng *Cầu hiền chiếu* hướng tới gồm những con người như thế nào? Họ có gì đặc biệt? Sự đặc biệt đó khiến tác giả phải suy tính những điều gì khi viết Cầu hiền chiếu?  **B2. Thực hiện nhiệm vụ**  HS suy nghĩ trả lời.  **B3. Báo cáo thảo luận**  Gv gọi HS báo cáo kết quả làm việc, cả lớp lắng nghe, nhận xét, bổ sung hoặc phản biện.  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:**  Gv nhận xét, đánh giá kết quả của các nhóm và đi đến thống nhất:  - Đối tượng mà Cầu hiền chiếu hướng tới là những người có học, có tài, từng gắn bó với triều đại nhà Lê, ở những cương vị khác nhau. Đó là những sĩ phu Bắc Hà theo cách hiểu của những người thời đó.  - Khi vâng mệnh vua Quang Trung soạn *Cầu hiền chiếu*, Ngô Thì Nhậm đối diện với những thử thách không nhỏ. Một mặt đó là nếp nghĩ “*tôi trung không thờ hai chủ*” đã ăn sâu vào ý thức của người sĩ phu. *Hoàng Lê nhất thống chí* kể lại, thời ấy có người trí thức tên Lý Trần Quán đã yêu cầu người thân chôn sống mình để tạ lỗi với chúa Trịnh Khải. Rõ ràng, ở thời điểm này, việc kêu gọi người hiền ra phò vua mới ( Quang Trung) gánh vác việc nước là rất khó khăn.  - Mặt khác, trong ý thức của nhiều vị sĩ phu, triều đại mới của vua Quang Trung chưa được xem là chính thống, họ chưa có thiện cảm, thậm chí họ còn nơm nớp lo sợ khi biết mình thuộc lực lượng của triều vua cũ. Sử sách từng ghi lại nhiều cuộc thanh toán đẫm máu của triều mới đối với bề tôi của triều cũ, vì sợ đó là mầm mống của phản loạn. Trong bối cảnh ấy, dùng tờ chiếu để tạo được niềm tin, khiến cho những trí thức dẹp bỏ nghi kị, sẵn sàng cộng tác với triều Tây Sơn là chuyện vô cùng nan giải.  **Nhiệm vụ 2:**  **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm.  Thời gian 5’. Hình thức điền vào phiếu học tập sau:   |  |  | | --- | --- | | Luận đề: Cầu hiền tài. | | | Luận điểm …: …… | | | Lí lẽ+ dẫn chứng |  | | Lí lẽ+ dẫn chứng |  | | Các yếu tố bổ trợ |  | | Nhận xét nghệ thuật lập luận:… | |   Nhóm 1: Tìm hiểu luận điểm 1: **Quy luật xưa nay: người hiền phải bộc lộ tài năng vai trò của mình.**  Nhóm 2: Tìm hiểu luận điểm 2: **Thực trạng nhiều kẻ sĩ đang trốn tránh việc đời, trong khi vua mong mỏi gặp người tài.**  Nhóm 3: Tìm hiểu luận điểm 3: **Những khó khăn trong buổi đầu xây dựng triều đại mới và sự cần thiết phải có người tài giúp nước.**  Nhóm 4: Tìm hiểu luận điểm 4: **Cách thức chiêu mộ người hiền tài.**  **B2. Thực hiện nhiệm vụ**  HS tiếp nhận, thảo luận nhóm và suy nghĩ câu trả lời  GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ khi HS cần.  **B3. Báo cáo thảo luận**  Các nhóm lần lượt trình bày  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:**  GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức  Ghi kiến thức then chốt lên bảng.  **Nhiệm vụ 3:**  **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  Hs suy nghĩ trả lời câu hỏi: Điều gì tạo nên sức thuyết phục của *Cầu hiền chiếu?*  **B2. Thực hiện nhiệm vụ**  HS suy nghĩ trả lời.  **B3. Báo cáo thảo luận**  Gv gọi HS báo cáo kết quả làm việc, cả lớp lắng nghe, nhận xét, bổ sung hoặc phản biện.  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:**  GV nhận xét, chuẩn kiến thức | **II. Khám phá văn bản**  **1. Mục đích, đối tượng bài chiếu**  **- Mục đích:** thuyết phục những người hiền tài ở chế độ cũ (nhà Lê) ra cộng tác với triều Tây Sơn do Quang Trung đứng đầu để xây dựng đất nước.  **- Đối tượng**: Sĩ phu Bắc Hà.  + Những người có học, có tài, từng gắn bó với triều Lê, ở những cương vị khác nhau.  + Họ sống ẩn dật hoặc có thái độ bất hợp tác với triều đại mới.  → Thử thách lớn đối với người viết.  **2. Luận đề:** Cầu hiền tài.  **3. Nghệ thuật lập luận.**  **\* Luận điểm 1: Quy luật xưa nay: người hiền phải bộc lộ tài năng vai trò của mình.**  **- Lí lẽ 1:** Triết lí người xưa: *Người hiền như ngôi sao sáng*→ Người hiền tài phải thể hiện tài năng.  **- Lí lẽ 2**: Quy lật vĩnh hằng của vũ trụ và người hiền: *Sao sáng- chầu về ngôi Bắc Thần*; *người hiền- ắt làm sứ giả cho thiên tử.* → Người hiền phải phụng sự vua, để phò dân, giúp nước.  **- Lí lẽ 3:** Nêu phản đề: Nếu người tài che giấu tài năng, không được dùng là trái ý trời, trái quy luật.→ Khẳng định tính chân lý và bất biến của quy luật xử thế của người tài.  => Ngắn gọn, giàu sức thuyết phục, đứng trên quyền lợi của đất nước mà lập luận, đưa ra vấn đề có tính triết lý nên không ai có thể phủ nhận.  **\* Luận điểm 2: Thực trạng nhiều kẻ sĩ đang trốn tránh việc đời, trong khi vua mong mỏi gặp người tài.**  **- Dẫn chứng 1:** kẻ sĩ ở ẩn ngòi khe, trốn tránh việc đời, những bậc tinh anh kiêng dè không dám lên tiếng, có kẻ gõ mõ canh cửa, ra biển vào sông, chết đuối trên cạn, lẩn tránh suốt đời. → Kẻ sĩ bất hợp tác với nhà Nguyễn, quay lưng với thời cuộc.  **- Dẫn chứng 2**: Vua *Ghé chiếu lắng nghe, ngày đêm mong mỏi*. → Nhà vua khiêm tốn, khắc khoải, thành tâm mong chờ.  => Dẫn chứng thực tế, cách nói tế nhị, châm biếm nhẹ nhàng, lay động.  **\* Luận điểm 3: Những khó khăn trong buổi đầu xây dựng triều đại mới và sự cần thiết phải có người tài giúp nước.**  - Dẫn chứng: Thẳng thắn thừa nhận bất cập của triều đại mới: Đất nước vừa mới bắt đầu triều đại mới; còn nhiều khó khăn: kỉ cương triều chính còn khiếm khuyết, công việc ngoài biên đương phải lo toan, dân còn mệt nhọc, đức hóa của vua chưa kịp thấm nhuần khắp nơi.  + Lí lẽ: Suy luận logic, chạm đến chân lí phổ biến, ai cũng phải thừa nhận: *Kìa như trời còn tăm tối thì đáng quân tử trổ tài. Nay buổi đầu đại đình.. Nghĩ cho kĩ thì ..*  → Người hiền tài phải ra phục vụ hêt mình cho triều đại mới.  + Yếu tố biểu cảm: *Trẫm nơm nớp.., huống nay trên dải đất văn hiến…, suy đi tính lại…*  → lời gan ruột, chân thành, tha thiết cầu hiền tài hơn bao giờ hết nhưng cũng rất kiên quyết.  => Lập luận chặt chẽ, logic, vừa đề cao, vừa thuyết phục người hiền, vừa châm biếm, vừa ràng buộc, vừa mở ra con đường cho người hiền ra giúp đời.  **\* Luận điểm 4: Cách thức chiêu mộ người hiền tài.**  **- Đường lối cầu hiền**  + Đối tượng: quan viên lớn nhỏ, thứ dân trăm họ.  + Cách thức cầu hiền: Rộng mở, thiết thực, dễ thực hiện, an tâm.  → Đường lối đúng đắn, thể hiện tầm nhìn xa trông rộng và tấm lòng vì nước vì dân của vua Quang Trung.  **- Lời khuyến dụ**  Khẳng định triều đại mới mở ra đang là thời “*trời trong sáng, đất thanh bình*” là cơ hội tốt cho người hiền thi thố tài năng, xây dựng nghiệp lớn, ghi tên mình vào lịch sử, để lại tiếng thơm muôn đời.  → Lời lẽ chân thành, tha thiết có tác dụng khích lệ, động viên kẻ sĩ ra phò tá giúp đời.  **3. Sức thuyết phục của bài Chiếu**  - Tư tưởng đúng đắn, quang minh chính đại thể hiện qua luận đề: Cần người hiền tài ra giúp nước.  - Luận điểm rõ ràng, rành mạch, có quan hệ chặt chẽ với nhau.  - Lí lẽ sắc bén, bằng chứng xác thực, thái độ chân thành, thể hiện sự thấu hiểu lòng người, lời mời gọi tha thiết. |

**2.3: Tổng kết**

**a. Mục tiêu:** HS khái quát nghệ thuật, ý nghĩa của VB

**b. Nội dung:**

- GV sử dụng KT đặt câu hỏi, tổ chức hoạt động cặp đôi chia sẻ .

- HS thảo luận cặp đôi, trình bày sản phẩm, quan sát và bổ sung.

**c. Sản phẩm:**

Câu trả lời của HS và thẻ học tập của HS đã hoàn thành.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  ? Khái quát lại những đặc sắc về nội dung và nghệ thuật lập luận của văn bản.  **B2. Thực hiện nhiệm vụ:**  **-** HS thảo luận cặp đôi, ghi lại ý kiến trao đổi trên thẻ học tập  - GV quan sát, khích lệ HS.  **B3. Báo cáo thảo luận:**  - Cặp đôi chia sẻ trước lớp  - HS nhận xét lẫn nhau.  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:**  GV nhận xét, chuẩn kiến thức.  GV lưu ý HS cách đọc tác phẩm nghị luận | **III. Tổng kết**  ***1. Nghệ thuật:***  - Cách nói sùng cổ  - Lời văn ngắn gọn, súc tích, tư duy sáng rõ, lập luân chặt chẽ, khúc chiết kết hợp với tình cảm tha thiết, mãnh liệt có sức thuyết phục cả về lý và tình.  ***2. Ý nghĩa văn bản****:*  Thể hiện tầm nhìn chiến lược của vua Quang Trung trong việc cầu hiền tài phục vụ cho sự nghiệp dựng nước và khát vọng xây dưng đất nước vững mạnh. |

**HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố kiến thức, thực hành áp dụng kiến thức vừa học

**b. Nội dung:** Hs hoạt động cá nhân, trả lời câu hỏi

**c. Sản phẩm:** Kết quả của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  *- GV giao nhiệm vụ HS đọc và trả lời câu hỏi:*  Đọc văn bản sau và trả lời câu hỏi:  *Từng nghe nói rằng: Người hiền xuất hiện ở đời, thì như ngôi sao sáng trên trời cao. Sao sáng ắt chầu về ngôi Bắc Thần, người hiền ắt làm sứ giả cho thiên tử. Nếu như che mất ánh sáng, giấu đi vẻ đẹp, có tài mà không được đời dùng, thì đó không phải là ý trời sinh ra người hiền vậy.* ( Trích *Chiếu cầu hiền-* Ngô Thì Nhậm)  1/ Nêu nội dung chính của văn bản trên.  2/ Câu văn *Người hiền xuất hiện ở đời, thì như ngôi sao sáng trên trời cao.Sao sáng ắt chầu về ngôi Bắc Thần, người hiền ắt làm sứ giả cho thiên tử* sử dụng biện pháp tu từ gì?  *- HS tiếp nhận nhiệm vụ, tiến hành suy nghĩ, thảo luận và trả lời*  *- GV nhận xét, đánh giá kết quả bài làm, chuẩn kiến thức*  **B2. Thực hiện nhiệm vụ:**  HS thảo luận nhóm.  **B3. Báo cáo thảo luận**  Đại diện các nhóm trình bày.  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:**  GV nhận xét, bổ sung, chuẩn kiến thức. | 1/ Nội dung chính của văn bản trên: Vai trò và sứ mệnh của người hiền đối với nhà vua và đất nước.  2/ Hai câu trên sử dụng biện pháp tu từ so sánh : *người hiền- ngôi sao sáng ; thiên tử- sao Bắc Thần* (tức Bắc Đẩu)  Tác giả quan niệm về người hiền : tác giả ví người hiền như ngôi sao sáng. Quy luật vận động của các vì sao sáng là chầu về Bắc Thần, mà Thiên tử là Bắc Thần. Như vậy, tác giả không chỉ đưa ra quan niệm về người hiền mà còn nêu rõ quy luật xử thế của người hiền : người hiền phải do Thiên tử sử dụng, nếu không làm như vậy là trái với đạo trời.  3/Việc xác định vai trò và nhiệm vụ của người hiền tài có tác dụng khẳng định việc chiêu hiền, cầu hiền của nhà vua là có cơ sở, có căn cừ, là hợp lòng trời, lòng người. |

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Đạt những yêu cầu về kĩ năng đọc hiểu văn bản, nắm được nội dung của bài, có sự vận dụng và mở rộng kiến thức

**b. Nội dung:** HS làm ở nhà, nộp sản phẩm vào tiết sau

**c. Sản phẩm:** Kết quả của HS

1. Đoạn văn đảm bảo các yêu cầu :

- Hình thức: đảm bảo về số câu, không được gạch đầu dòng, không mắc lỗi chính tả, ngữ pháp. Hành văn trong sáng, cảm xúc chân thành ;

- Nội dung: Từ vai trò người hiền trong bài Chiếu, thí sinh hiểu được người hiền là người như thế nào ? Làm thế nào để có được người hiền để phục vụ cho đất nước hôm nay ? Từ đó, bản thân rút ra bài học nhận thức và hành động.

2. Sơ đồ tư duy bài học.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**B1. Chuyển giao nhiệm vụ**

1. Viết đoạn văn ngắn ( 5 đến 7 dòng) bày tỏ suy nghĩ vai trò của *người hiền*  trong cuộc sống hôm nay.

2. Thiết kế sơ đồ tư duy bài học.

**B2. Thực hiện nhiệm vụ:** HS tiếp nhận nhiệm vụ ,về nhà tiến hành hoàn thành nhiệm vụ được giao

**B3. Báo cáo thảo luận**

HS trình bày.

**B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** GV nhận xét, đánh giá và chuẩn kiến thức.

**4. Củng cố:**

- Tầm quan trọng của người hiền tài đối với đất nước.

- Nghệ thuật lập luận tạo sức thuyết phục trong bài văn nghị luận.

**5. HDVN:**

Chuẩn bị bài: “*Tôi có một ước mơ*”- Martin Luther King.

**Tiết 27,28 VĂN BẢN 2. TÔI CÓ MỘT ƯỚC MƠ**

**Martin Luther King**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về kiến thức**

- Nhận biết và phân tích được mục đích, thái độ và tình cảm của tác giả thể hiện qua bài diễn văn, từ đó, khái quát được các yếu tố tạo nên sức lay động lớn của bài viết.

- Phân tích được nội dung và ý nghĩa của văn bản, trình bày được mối quan hệ giữa các luận điểm, lí lẽ và bằng chứng với luận đề của văn bản.

- Liên hệ được nội dung văn bản với một tư tưởng, quan niệm, xu thế (kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội, khoa học,..) của giai đoạn mà văn bản ra đời để hiểu được sâu hơn văn bản; liên hệ được nội dung văn bản với bối cảnh thế giới hiện nay để rút ra bài học và thông điệp

cần thiết.

**2. Về năng lực**

- Năng lực đọc hiểu

- Năng lực tự học

- Năng lực làm việc nhóm

**3. Về phẩm chất**

- Sống có ước mơ, khát vọng chính đáng.

- Bồi dưỡng tình yêu thương con người, yêu tự do, hòa bình.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị dạy học:** Bảng, máy tính, máy chiếu, phiếu học tập

**2. Học liệu:** SGK, SGV, KHBD, một số bức tranh để đưa vào slide trình chiếu cho học sinh quan sát, …

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Tổ chức**

**2. Bài mới:**

**HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

**a**. **Mục tiêu**: Học sinh biết huy động những trãi nghiệm về kiến thức nền có liên quan đến việc tiếp nhận nội dung văn bản.

**b. Nội dung:** Học sinh quan sát và thảo luận về bức tranh The Problem We All Live With của Norman Rockwell (trình chiếu slide 1)

**c. Sản phẩm:**

- Nhận biết được sự việc, hình ảnh mà bức tranh thể hiện.

- Phát hiện được vấn đề bức tranh nêu lên (qua gợi ý của nhan đề tranh)

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  Giáo viên dẫn dắt với các nội dung:  - Kết nối với văn bản Cầu hiền chiếu (chiếu cầu hiền- Ngô thì nhậm) đã học ở tiết trước.  - Đặt câu hỏi gọi suy đoán về mục đích của việc xem bức tranh The Problem We All Live With (Vấn đề chúng ta đang đối diện) của Norman Rockwell:  + Em thấy gì từ bức tranh này?  IMG_256  + Em có đặt cho mình câu hỏi nào không?)  **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** Học sinh quan sát và thảo luận  **B3. Báo cáo thảo luận:** Học sinh lần lượt trình bày ý kiến của mình  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** Giáo viên thâu tóm ý kiến phát biểu và gợi mở vấn đề cần chú ý | - Một bé gái váy trắng tinh, tay cầm đồ dùng học tập; bốn cảnh sát đi kèm; cà chua ném vào em, dòng chữ NIGGER (mọi) trên tường.  **-** Tại sao có một cảnh huống bất thường như vậy trên con đường đến trường của một đứa trẻ.  - Đó là một câu chuyên rất dài về nạn phân biệt chủng tộc diễn ra tại Mỹ và một hành trình dài, bền bỉ để đấu tranh đòi quyền bình đẳng cho người da đen tại quốc gia này. Văn bản mà chúng ta tìm hiểu sau đây *Tôi có một ước mơ* là một ghi dấu quan trọng trong hành trình đó. |

**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Nội dung 1. Tìm hiểu khái quát**

1. **Mục tiêu:**

**-** Học sinh biết cách khai thác thông tin được cung cấp trong SGK làm tiền đề cho việc khám phá văn bản.

**-** Học sinh nhận diện được loại, thể của văn bản.

1. **Nội dung:**

- Đọc thông tin về tác giả và văn bản trong SGK.

- Xác định thể loại của văn bản và tính đặc thù của tiểu loại văn bản *Tôi có một ước mơ.*

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của học sinh về tác giả và một số thông tin cơ bản về tác phẩm.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu thông tin chung về tác giả, tác phẩm.**  **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  **1. Đọc:** Giáo viên nhắc học sinh mở SGK Ngữ văn 11, tập 1, trang 84, đọc nhanh thông tin về tác giả và hoàn cảnh ra đời của văn bản.  **2. Tác giả:** Em hãy điểm qua các thông tin về tác giả.  Nêu hoàn cảnh ra đời của văn bản  Học sinh trả lời.  Giáo viên chốt ý, bổ sung  *(Giáo viên mở rông: Từ khi còn bé, Martin Luther King đã sớm bộc lộ năng khiếu trong thuật hùng biện; ông nhận học vị tiến sĩ ở tuổi 25)*  *Tôi có một ước mơ* là nhan đề bài diễn văn nổi tiếng nhất của Martin Luther King. Với tài hùng biện, ông nói về ước mơ cho tương lai của nước Mỹ, khi người da trắng và người da đen có thể chung sống bình đẳng.  - *Tôi có một ước mơ của Martin Luther King* cho đến nay được xem là một trong bài diễn văn xuất sắc nhất trong lịch sử nước Mỹ.  *Cho đến khi ấy đây là cuộc tụ tập lớn nhất trong suốt lịch sử của Washington D.C. Khi sắp kết thúc bài diễn văn, Mahalia Jackson- Ca sĩ, bạn thân của King kêu to từ phía đám đông “NÓI CHO HỌ BIẾT VỀ ƯỚC MƠ ĐÓ ĐI MARTIN”. King ngưng ngay bài diễn văn soạn sẵn, tiếp tục phần còn lại của bài diễn văn bằng câu hỏi về ƯỚC MƠ của hành trình đấu tranh, nhấn mạnh đến câu nói cao trào TÔI CÓ MỘT ƯỚC MƠ.*  **-**Giáo viên hướng dẫn học sinh đọc văn bản *Tôi có một ước mơ và thực hiện một số nhiệm vụ khi đọc.*  *- Tôi có một ước mơ* thuộc loại văn bản gì? Trong loại đó, nó có thể được xếp vào tiểu loại nào?  - Để đảm bảo yêu cầu thuyết phục, văn bản nghị luận phải được cấu trúc như thế nào?  Học sinh đọc văn bản và thực hiện yêu cầu của giáo viên.  Học sinh trả lời.  Giáo viên chốt ý | 1. **Tìm hiểu chung** 2. **Tác giả**   - Martin Luther King (1929- 1969) là mục sư, hoạt động nhâm quyền người Mỹ gốc Phi.  - Ông là một trong những nhà lãnh đạo có ảnh hưởng lớn nhất trong lịch sử nước Mỹ cũng như lịch sử đương đại của phong trào đấu tranh bất bạo động.  - Martin Luther King được nhiều người trên khắp thế giới ngưỡng mộ như anh hùng, nhà kiến tạo hòa bình và hi sinh cho một lí tưởng cáo cả.  - Năm 1964, Martin Luther King là nhân vật trẻ tuổi nhất được chọn để trao giải Nobel Hòa bình cho những nổ lực chấm dứt nạn kì thị chủng tộc với quan điểm và các biện pháp đấu tranh vì hòa bình và bình đẳng.   1. **Văn bản** 2. ***Hoàn cảnh ra đời***   -*Bài diễn văn được ông phát biểu trên bậc thềm của đài tưởng niệm Tổng thống Lincon trong cuộc tuần hành ủng hộ phong trào đòi quyền công dân diễn ra vào ngày 28/08/1963 với khoảng 250000 người thuộc các sắc tộc khác nhau.*   1. **Loại văn bản:** văn nghị luận 2. **Tiểu loại:** chính luận. 3. **Định hướng tiếp cận:**   - Cấu trúc văn bản và các yếu tố bổ trợ => ẩn số  - Ý nghĩa của văn bản. |

**Nội dung2: Khám phá văn bản**

1. **Mục tiêu**

- Học sinh hiểu và phân tích được các yếu tố cấu thành cơ bản của văn bản.

- Học sinh biết liên hệ với hoàn cảnh ra đời của văn bản để phát hiện, đánh giá được tác động của văn bản.

1. **Nội dung**

- Xác định luận đề, luận điểm của văn bản.

- Tìm hiểu ý nghĩa của văn bản.

1. **Sản phẩm**

- Câu trả lời về luận đề và luận điểm của văn bản.

- Nêu được ý nghĩa văn bản.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu cấu trúc văn bản và các yếu tố bổ trợ trong văn bản.**  **Chuyển giao nhiệm vụ**  - Giáo viên hỏi:  + Xác định luận đề là gì? Hs trả lời cá nhân(**-** Bối cảnh  - Đối tượng hướng đến của bài diễn văn)  + Em hãy xác định các luận điểm chính của văn bản. Hs trả lời  GV chốt ý  **Chuyển giao nhiệm vụ: Thảo luận nhóm**  **- Nhóm 1:** Phân tích lí lẽ, bằng chứng và các yếu tố bổ trợ mà tác giả sử dụng để triển khai luận điểm 1  **- Nhóm 2, 3:** Phân tích lí lẽ, bằng chứng và các yếu tố bổ trợ mà tác giả sử dụng để triển khai luận điểm 2  **- Nhóm 4:** Phân tích lí lẽ, bằng chứng và các yếu tố bổ trợ mà tác giả sử dụng để triển khai luận điểm 3  **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** Học sinh thảo luận nhóm 5 phút.  **B3. Báo cáo thảo luận:** Đại diện mỗi nhóm lên trình bày khoảng 3 phút.Các nhóm khác nhận xét  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** Giáo viên chốt ý, ghi bảng. Học sinh ghi vào vở  **Nhiệm vụ 2: Ý nghĩa của văn bản**  **B1. Chuyển giao nhiệm vụ:**  - Đặt vấn đề đấu tranh cho quyền tự do, dân chủ của người da đen nhưng khát vọng của tác giả còn nhiều hơn thế, em hãy cho biết thêm về điều này.  - Tác giả đã bày tỏ khát vọng và tình cảm đó bộc lộ cảm xúc và thái độ ra sao?  **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** Học sinh tìm hiểu trả lời  Học sinh lần lượt trả lời  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:**  **-** Giáo viên tổng kết bài học: Lời nhận định của dân biểu Hoa Kỳ; John Lewis; dẫn lời bài hát Why? The King Of Love is Dead do Nina Simone thể hiện “Once upon this plant earth/ lived a man of noble birth/ preaching love and freedom for his felow man”,  “Ngày xưa trên trái đất này/ Có một người đàn ông xuất thân cao quý/ rao giảng về tình yêu và tự do cho đồng loại”, | 1. **Khám phá văn bản** 2. **Cấu trúc văn bản và các yếu tố bổ trợ.**   **1.1. Luận đề**  Kêu gọi hành động đấu tranh vì sự tự do, bình đẳng của người da đên trên đất Mỹ.  **1.2. Các luận điểm**  - Thực trang cuộc sống của người da đen  - Cách thức đấu tranh  - Niềm tin và ước mơ về sự tự do công lí  **1.3. Phân tích cách tác giả dùng lí lẽ và dẫn chứng để trình bày quan điểm của mình ,thuyết phục người nghe.**  **a. Luận điểm 1: Thực trạng cuộc sống của người da đen**  **-** Lí lẽ: *“Cách đây một thế kỉ”/ “NHƯNG một trăm năm sau*”🡪 Nguyên lí đưa ra và thực tế - quan hệ này bị phá gãy. Thực trạng 100 năm là câu trả lời khác với quy định được khởi tạo đầy hy vọng của 100 năm trước.  - Dẫn chứng: ***Người da đen*** *vẫn chưa được tự do; bị trói; sống cô đơn trên hòn đảo nghèo đói; gầy mòn; tìm cách tị nạn ngay chính trên quê hương của mình; .…*  ->Dẫn chứng vừa sinh động, vừa cụ thể, vừa khái quát về tình trạng **BẤT ỔN, NGOÀI LỀ, CÔ ĐỘC.** Đây cũng là lời tố cáo đanh thép của tác giả về sự phân biệt chủng tộc, màu da đang diễn ra trên đất Mỹ  - Các yếu tổ bổ trợ:  **+ Điệp ngữ:** “*Một trăm năm sau” - lặp 4 lần*🡪 Nhấn mạnh đau xót, bất bình; dồn thúc hành động quyết liệt.  + ***Biện pháp tu từ ẩn dụ, so sánh kết hợp với cách nói tương phản, đối lập***: *ngọn hải đăng của hi vọng; ngọn lửa bất công, như một ánh bình minh; sống cô đơn trên hòn đảo nghèo đói giữa một đại dương mênh mông thịnh vượng về vật chất; bị trói trong gông cùm, xiềng xích.*  🡪 Khiến cho ý diễn đạt trở nên cụ thể, hàm súc, giàu liên tưởng, tạo được tác động mạnh mẽ đến cảm xúc người đọc, người nghe.  b. **Luận điểm 2: Cách thức đấu tranh**  - Lí lẽ:   * Cần xác định thời điểm quan trọng nhất để đòi lại công lí cho người da đen * Cần có thái độ đấu tranh quyết liệt nhưng không bạo lực * Cần đoàn kết trong cuộc đấu tranh đòi công lí.   - Dẫn chứng: Xuất hiện ở lí lẽ thứ 3: ***Bởi có rất nhiều anh em da trắng minh chứng bằng sự hiện diện ở đây***  🡪 Mắt thấy tai nghe, thuyết phục, có ý nghĩa trấn an mạnh mẽ  - Các yếu tổ bổ trợ:  **+Điệp ngữ:** “*Đây là lúc-4 lượt”; “đừng”; “không thể”; “chúng ta không thể hài lòng”; …*  🡪 Nhấn mạnh thời điểm cần kíp, phù hợp để thực hiện lời hứa dân chủ; sự bình tĩnh; sự quyết tâm. Tạo giọng điệu sôi nổi, quyết liệt.  + ***Biện pháp tu từ ẩn dụ, so sánh kết hợp với cách nói tương phản, đối lập***: “*thung lũng hoang tàn” / ”con đường chan hòa ánh nắng”; “vùng cát lún” /” tảng đá vững chắc”; “công lí chưa như mưa giăng khắp nơi”, …*  🡪 Khiến cho ý diễn đạt trở nên cụ thể, hàm súc, giàu liên tưởng, tạo được giọng điệu lạc quan, hứng khởi, tin tưởng.  c.**Luận điểm 3: Ước mơ và niềm tin tự do, công lí**  - Lí lẽ:   * *Đó là hi vọng của chúng ta và cũng là niềm tin tôi sẽ mang theo khi hướng về Nam* * *Hãy để nước Mỹ trở thành một quốc gia vĩ đại*   - Dẫn chứng:   * *Hãy để tự do ngân vang từ những đỉnh đồi; những ngọn núi; dãy A-lơ-ghe-ny…*   ->ước mong hiện hữu qua những ảnh mang tính ẩn dụ   * Lời ca cũ thiêng liêng của người da đen *“Tự do cuối cùng cũng đã đến!...tự do!”*   ->ước mong và niềm tin được thể hiện cụ thể, chân thực, sinh động, đẹp đẽ  - Các yếu tổ bổ trợ: *Biện pháp điệp từ ngữ, lặp cấu trúc câu; những hình ảnh ẩn dụ->* tạo giọng điệu vừa hùng hồn vừa tha thiết cho bài diễn văn  **2. Ý nghĩa của văn bản**  ***- Bày tỏ khát vọng:***  + Tự do, dân chủ cho người da đen.  + Đoàn kết, hòa hợp dân tộc.  + Sự phát triển hùng cường, thịnh vượng của nước Mỹ.  - ***Bày tỏ tình cảm và cảm xúc, thái độ:***  + ***Tình cảm*** yêu nước, yêu con người.  + ***Cảm xúc, thái độ:*** chân thành, nồng nhiệt, quyết tâm, hi vọng.  =>Tư tưởng lớn của nhà chính trị cũng như tâm hồn cao cả, nhân văn của ông.  Why? (The King Of Love Is Dead) - Nina Simone  Tại sao? (Vua tình yêu đã chết) - Nina Simone  Điều gì sẽ xảy ra bây giờ, ở tất cả các thành phố của chúng ta?  Dân tộc tôi đang trỗi dậy, họ đang sống trong dối trá  Ngay cả khi họ phải chết, ngay cả khi họ phải chết  Vào lúc này, họ biết cuộc sống là gì Ngay cả vào khoảnh khắc đó, khi bạn biết cuộc sống là gì  Nếu bạn phải chết, thì cũng ổn thôi  Bởi vì bạn biết cuộc sống là gì  Bạn biết tự do là gì trong một khoảnh khắc của cuộc đời bạn Nhưng anh ấy đã nhìn thấy đỉnh núi và anh ấy biết mình không thể dừng lại  Luôn sống với mối đe dọa của cái chết ở phía trước  Các bạn nên dừng lại và suy nghĩ, mọi người đều biết chúng ta đang ở bờ vực  Điều gì sẽ xảy ra bây giờ, rằng Vua đã chết? Tất cả chúng ta đều có thể rơi nước mắt, điều đó sẽ không thay đổi được điều gì  Dạy dân tộc của bạn, họ có bao giờ học được không?  Bạn phải luôn giết bằng cách đốt và đốt bằng súng  Và giết bằng súng và đốt, bạn không biết chúng ta phải phản ứng thế nào sao? Nhưng anh đã nhìn thấy đỉnh núi và anh biết mình không thể dừng lại  Luôn sống với mối đe dọa của cái chết ở phía trước  Các bạn nên dừng lại và suy nghĩ, mọi người đều biết chúng ta đang ở bờ vực  Điều gì sẽ xảy ra, bây giờ Vua tình yêu đã chết? |

**Nội dung 3: Tổng kết**

**a. Mục tiêu:** Học sinh củng cố được kiến thức về văn bản nghị luận, cụ thể là về diễn văn được thể hiện trực tiếp trước đám đông.

**b. Nội dung: liên hệ mở rộng và củng cố**

**c. Sản phẩm: câu trả lời về các yêu cầu then chốt làm nên sức hấp dẫn và tính thuyết phục của một văn bản nghị luân, cụ thể ở đây là một diễn văn**

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ:**  Giáo viên hỏi: qua việc tìm hiểu văn bản trên, em rút ra kinh nghiệm gì về việc tạo lập một văn bản nghị luận có sức hấp dẫn và có tính thuyết phục cao?  **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** Học sinh thảo luận  **B3. Báo cáo thảo luận:** Học sinh liệt kê nhưng kết quả mà mình thảo luận được  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** Giáo viên nhận xét và chốt ý, ghi bảng. Học sinh ghi vào tập. | **III. Tổng kết**  Đối với một diễn văn, các yếu tố then chốt cần có: lí trí (tầm nhìn), cảm xúc, ngẫu hứng. |

**PHIẾU HỌC TẬP (Nếu có)**

**HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Học sinh viết được đoạn văn (khoảng 150 chữ) thể hiện cảm nhận, suy nghĩ của mình về nội dung văn bản hoặc các vấn đề do văn bản gợi lên.

**b. Nội dung:** Viết đoạn văn và thuyết trình

**c. Sản phẩm:** Đoạn văn đã hoàn thành và bài thuyết trình ngắn về nội dung đã viết.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ:**  Giáo viên yêu cầu học sinh viết đoạn văn (15 phút) bày tỏ suy nghĩ về vấn đề bình đẳng của người da đen trong thời đại của mình.  **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** Học sinh thảo luận, viết đoạn văn.  **B3. Báo cáo thảo luận:** Học sinh thuyết trình nội dung đoạn văn đã viết (1 hoặc 2 học sinh)  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** Giáo viên nhận xét | Đoạn văn tham khảo:  Bình đẳng cho người da đen là một vấn đề quan trọng trong thời đại này. Mặc dù đã có nhiều tiến bộ trong việc đảm bảo quyền lợi cho người da đen, nhưng vẫn còn nhiều thách thức cần phải giải quyết. Chúng ta cần tiếp tục nỗ lực để xây dựng một xã hội công bằng và bình đẳng, nơi mọi người được đánh giá dựa trên năng lực và phẩm chất cá nhân, chứ không phải dựa trên màu da hay nguồn gốc. Chỉ khi đó, chúng ta mới có thể tạo ra một tương lai tươi sáng cho tất cả mọi ngườiTrong thời gian qua, đã có nhiều cuộc biểu tình và phong trào đấu tranh cho quyền lợi của người da đen trên khắp thế giới. Những cuộc biểu tình này đã thu hút sự chú ý của dư luận và giúp thúc đẩy các chính sách bình đẳng được ban hành. Tuy nhiên, vẫn còn nhiều việc phải làm để đảm bảo rằng mọi người da đen đều được hưởng quyền bình đẳng và công bằng. Chúng ta cần tiếp tục giáo dục và nâng cao nhận thức về vấn đề bình đẳng cho người da đen trong cộng đồng. Chúng ta cũng cần hỗ trợ các tổ chức và cá nhân đang nỗ lực để thúc đẩy sự bình đẳng và công bằng cho người da đen. Bằng cách này, chúng ta có thể góp phần xây dựng một xã hội công bằng và bình đẳng hơn. |

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Học sinh hiểu được các nội dung then chốt của văn bản và biết suy nghĩ về những vấn đề do văn bản gợi lên

**b. Nội dung:** Xem bức tranh Red Azaleas Singing and Dancing Rock and Roll Music

**c. Sản phẩm:** Nêu nhận xét về bức tranh trong mối liên hệ với những gì đã được tiếp nhận từ văn bản vừa học.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**B1. Chuyển giao nhiệm vụ:** Giáo viên cho học sinh xem tranh Red Azaleas Singing and Dancing Rock and Roll Music (Những cây đỗ quyên ca hát và nhảy múa với nhạc Rock and Roll) của họa sĩ Alma Thomas, một họa sĩ người Mỹ gốc Phi.



The problem we all live with

Red Azaleas Singing and Dancing Rock and Roll Music

**B2. Thực hiện nhiệm vụ:** Học sinh quan sát bức tranh, thảo luận để tìm câu trả lời. (Giáo viên gợi ý: Một tác phẩm với màu sắc rực rỡ và gây ấn tượng về một hoạt động, nhịp điệu rộn ràng. Thomas không thích cái mát “nghệ sĩ da đen”, bà nói: “Tôi là một họạ sĩ. Tôi là người Mỹ”)

**B3. Báo cáo thảo luận:** Học sinh nêu cảm nhận về bức tranh

**B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** Giáo viên kết luận: có nhiều cách để chúng ta đấu tranh cho những điều tốt đẹp trên đời. Nhưng trước hết em phải nâng cao trí tuệ, làm giàu có tâm hồn mình. Hãy để cho mình thật vững vàng đã. Phải thế không?

**4. Củng cố:** Củng cố cấu trúc văn bản nghị luận bằng sơ đồ tư duy

**5. HDVN:** Dặn học sinh về xem lại bài cũ và chuẩn bị bài mới theo hệ thống câu hỏi trong sách giáo khoa.

**Phiếu học tập**

**Phân tích cách tác giả dùng lí lẽ và dẫn chứng để trình bày quan điểm của mình ,thuyết phục người nghe.**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Luận điểm :*** | |
| ***Lí lẽ*** | ............................................................................................................................  ...........................................................................................................  ............................................................................................................. |
| **Dẫn chứng** | ................................................................................................................  ................................................................................................................  .................................................................................................................. |
| **Các yếu tố bổ trợ** | ....................................................................................................................  .................................................................................................................  ................................................................................................................ |
|  | |

.

**Phiếu học tập**

|  |  |
| --- | --- |
| **Sau khi tìm hiểu văn bản, em hiểu ý nghĩa của văn bản là gì?** | |
| **Ý nghĩa văn bản** | - Khát vọng của tác giả:  ….…………………………………………….…………………  ….…………………………………………….…………………  ….…………………………………………….…………………  ….…………………………………………….…………………  - Bày tỏ tình cảm của tác giả:  ….…………………………………………….…………………  ….…………………………………………….…………………  ….…………………………………………….…………………  ….…………………………………………….…………………  - Cảm xúc, thái độ của tác giả:  ….…………………………………………….…………………  ….…………………………………………….…………………  ….…………………………………………….…………………  ….…………………………………………….………………… |